

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định trình bày báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) (tiền thân là Công ty Môi trường Nam Định) là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 762/QĐUB ngày 19 tháng 06 năm 1997 và được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Môi trường Nam Định theo Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 439/QĐ/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Môi trường Nam Định.

Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0600143867, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016 là: 21.944.750.000 đồng (Hai mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 2.194.475 (Cổ phần).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NAM DINH ENVIROMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NDE.JSC.

Công ty hiện đang giao dịch Cổ phiếu trên sàn UpCOM. Mã cổ phiếu: MND.

Trụ sở chính: số 52/93 đường Quang Trung, thành phố Nam Định.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Triệu Đức Kiểm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Công Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên
Ông Vũ Đình Ngọc	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trần Trọng Thành	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thu Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Định	Giám đốc
----------------------	----------

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (cổ đông lớn của công ty) đã thực hiện chào bán thành công 40.000 (cổ phiếu) trong tổng số 330.050 (cổ phiếu) đăng ký chào bán. Giao dịch chào bán cổ phiếu được thực hiện từ ngày 10/12/2020 đến ngày 07/01/2021. Sau giao dịch, Số lượng cổ phiếu của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định nắm giữ là: 1.409.318 (cổ phiếu), chiếm tỷ lệ 64,22% trên (/) tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

Ngoài sự kiện trên, theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM –Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Triệu Đức Kiểm
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Số: 90/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính năm 2020
của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định

Kính gửi : **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định được lập ngày 29/03/2021 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ngày 02/01/2021

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Trung Khánh
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1128-2018-137-1

10/11/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.407.981.590	27.034.188.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	9.177.880.618	7.900.798.397
1. Tiền	111		9.177.880.618	7.900.798.397
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.05	15.200.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.200.000.000	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.033.616.490	3.525.057.150
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	3.365.431.955	3.143.624.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		99.229.630	74.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.03	568.954.905	306.682.750
IV. Hàng tồn kho	140	5.04	150.476.962	88.788.048
1. Hàng tồn kho	141		150.476.962	88.788.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.846.007.520	2.519.544.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	1.756.001.053	2.519.544.550
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.09	90.006.467	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.967.044.492	14.070.968.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.476.362.082	12.373.363.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	10.476.362.082	12.371.801.956
- Nguyên giá	222		194.904.826.007	190.168.405.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.428.463.925)	(177.796.603.839)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.561.090
- Nguyên giá	228		71.600.000	71.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.600.000)	(70.038.910)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.490.682.410	1.697.605.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	1.490.682.410	1.697.605.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.375.026.082	41.105.156.585

12/1 2020

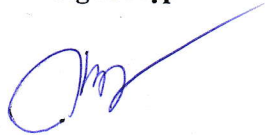
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.725.372.891	11.418.376.164
I. Nợ ngắn hạn	310		15.725.372.891	11.418.376.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	775.519.400	434.525.654
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.092.500	1.906.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	525.858.698	681.252.844
4. Phải trả người lao động	314		12.473.566.979	6.990.315.296
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	246.029.286	286.972.472
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.669.100	4.008.800
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	1.557.448.808	1.091.633.793
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.866.515.892
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		143.188.120	61.245.413
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.649.653.191	29.686.780.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	23.889.800.793	23.242.253.384
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.944.750.000	21.944.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.164.692	18.941.880
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.892.886.101	1.278.561.504
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		476.253.485	171.134.436
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.416.632.616	1.107.427.068
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.759.852.398	6.444.527.037
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.13	2.759.852.398	6.444.527.037
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.375.026.082	41.105.156.585

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập



Trần Thị Gấm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Triệu Đức Kiềm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	77.310.576.702	71.123.747.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		77.310.576.702	71.123.747.681
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	61.870.808.459	58.556.926.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.439.768.243	12.566.821.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	1.068.677.528	841.704.481
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.04	1.707.510.872	1.649.676.462
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	13.161.726.919	10.365.066.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.639.207.980	1.393.782.732
11. Thu nhập khác	31		16.878.470	9.542.726
12. Chi phí khác	32		7.601.731	15.233.298
13. Lợi nhuận khác	40		9.276.739	(5.690.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.648.484.719	1.388.092.160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.06	231.852.103	280.665.092
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.416.632.616	1.107.427.068
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.07	516	454

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trần Thị Gấm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Triệu Đức Kiểm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	84.815.587.900	76.557.274.759
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33.775.790.359)	(29.086.046.568)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.180.571.774)	(30.931.299.806)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(480.000.000)	(250.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.522.605.831	1.103.507.305
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.067.204.397)	(14.789.537.586)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.834.627.201	2.603.898.104
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(186.837.183)	(1.262.858.157)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(34.200.000.000)	(31.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.000.000.000	26.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	829.292.203	775.041.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.557.544.980)	(5.487.816.182)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.277.082.221	(2.883.918.078)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.900.798.397	10.784.716.475
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.177.880.618	7.900.798.397

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trần Thị Gám

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Triệu Đức Kiêm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định (“Công ty”) (tiền thân là Công ty Môi trường Nam Định) là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 762/QĐUB ngày 19 tháng 06 năm 1997 và được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Môi trường Nam Định theo Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 439/QĐ/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Môi trường Nam Định. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0600143867, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016 là: 21.944.750.000 đồng (hai mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 2.194.475 (Cổ phần).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UpCOM). Mã cổ phiếu: MND.

Trụ sở chính: số 52/93 đường Quang Trung, thành phố Nam Định.

Số lao động bình quân trong năm 2020 và trong năm 2019 lần lượt là: 378 người và 381 người.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng; Thu gom rác thải sinh hoạt cho các tổ chức cơ quan và các hộ gia đình; Vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ hút cặn tự hoại tại nhà và công sở, tưới nước rửa đường chống bụi;
- Nghiên cứu ứng dụng, chế biến và tái chế chất thải;
- Liên doanh, liên kết và thực hiện các dự án đầu tư trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, tư vấn khảo sát thiết kế các công trình về môi trường;
- Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật tư, thiết bị phục công tác vệ sinh môi trường.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền: bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

01
DN
T
A
3

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của công ty là phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau.

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Riêng đối với Tài sản cố định mà Nhà nước giao cho công ty quản lý, sử dụng thì phần hao mòn của tài sản cố định này sẽ không tính vào Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty mà sẽ được giảm trừ vào “Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm như công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán thu về dịch vụ vệ sinh, môi trường...). Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

31/12/2020
TÀI CHÍNH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng ;
- Chi phí vận chuyển, bao bì;
- Chi phí khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm:

- Chi phí nhân viên;
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động;
- Khấu hao tài sản cố định
- Chi phí khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại tỉnh Nam Định. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

30/12/2020
H/P/C

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	153.144.359	212.400.918
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.224.736.259	5.188.397.479
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) (*)	5.800.000.000	2.500.000.000
Cộng	9.177.880.618	7.900.798.397

(*) Bao gồm 2 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn:

1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 382/2020/67984 ký ngày 11 tháng 11 năm 2020
 Số tiền: 3.200.000.000 VND (Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm triệu đồng chẵn)
 Kỳ hạn: 02 tháng; Ngày bắt đầu: 12/11/2020 - Ngày đáo hạn: 12/01/2021
 Lãi suất: 3,2%/năm

2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 382/2020/69528 ký ngày 25 tháng 11 năm 2020
 Số tiền: 2.600.000.000 VND (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)
 Kỳ hạn: 01 tháng; Ngày bắt đầu: 25/12/2020 - Ngày đáo hạn: 25/01/2021
 Lãi suất: 3,0%/năm

5.02. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	3.365.431.955	3.143.624.400
- Thu DVVS khối cơ quan	197.372.955	308.901.600
- Phòng Tài chính thành phố Nam Định	2.871.226.000	2.192.213.000
- Thu đối tượng khác	296.833.000	642.509.800
Cộng	3.365.431.955	3.143.624.400

5.03. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	568.954.905	-	306.682.750	-
- Phải thu người lao động	194.670.647	-	144.654.897	-
- Bảo hiểm xã hội	6.305.417	-	1.921.516	-
- Thu quỹ phòng chống thiên tai	34.293.516	-	-	-
- Tạm ứng	-	-	63.400.000	-
- Thu lãi ngân hàng	239.385.325	-	96.706.337	-
- Phải thu khác	94.300.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	568.954.905	-	306.682.750	-

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.04. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Nguyên liệu, vật liệu	36.473.081	-	22.091.692	-	
- Công cụ, dụng cụ	114.003.881	-	66.696.356	-	
Cộng	150.476.962	-	88.788.048	-	

5.05. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn	15.200.000.000	15.200.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn					
{1} Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.500.000.000	4.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	
{2} Ngân hàng TMCP Quân đội	2.700.000.000	2.700.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
{3} Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	
Cộng	15.200.000.000	15.200.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	

Thông tin**{1} Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 382/2020/65670 ký ngày 23 tháng 10 năm 2020

Số tiền: 4.500.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Kỳ hạn: 06 tháng; Ngày bắt đầu: 23/10/2020 - Ngày đáo hạn: 23/04/2021

Lãi suất: 3,9%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

[2] Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm 02 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn:

a) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 43670.20.775.6085538.TG.DN ký ngày 16 tháng 09 năm 2020

Số tiền: 1.500.000.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Kỳ hạn: 06 tháng; Ngày bắt đầu: 17/09/2020 - Ngày đáo hạn: 17/03/2021

Lãi suất: 4,8%/năm

b) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 39048.20.775.6085538.TG.DN ký ngày 01 tháng 12 năm 2020

Số tiền: 1.200.000.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn)

Kỳ hạn: 06 tháng; Ngày bắt đầu: 01/12/2020 - Ngày đáo hạn: 01/06/2021

Lãi suất: 4,9%/năm

[3] Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn:

a) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 676/2020/HĐT/G/PVB-NDE.,SJC ký ngày 23 tháng 10 năm 2020

Số tiền: 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng chẵn)

Kỳ hạn: 06 tháng; Ngày bắt đầu: 23/10/2020 - Ngày đáo hạn: 23/04/2021

Lãi suất: 5,7%/năm

b) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 516/2020/HĐT/G/PVB-NDE.,SJC ký ngày 24 tháng 07 năm 2020

Số tiền: 3.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn)

Kỳ hạn: 06 tháng; Ngày bắt đầu: 24/07/2020 - Ngày đáo hạn: 25/01/2021

Lãi suất: 6,1%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị QL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	22.135.314.712	48.973.315.673	29.682.527.757	502.237.700	88.875.009.953	190.168.405.795
Tăng trong năm	1.433.285.412	-	3.303.134.800	-	-	4.736.420.212
- Mua trong năm	-	-	3.303.134.800	-	-	3.303.134.800
- XDCB hoàn thành	1.433.285.412	-	-	-	-	1.433.285.412
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	23.568.600.124	48.973.315.673	32.985.662.557	502.237.700	88.875.009.953	194.904.826.007
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	18.923.350.762	48.622.907.994	26.983.633.229	255.472.599	83.011.239.255	177.796.603.839
Tăng trong năm	774.753.171	318.497.578	2.239.304.653	59.996.352	3.239.308.332	6.631.860.086
- Khấu hao trong năm	774.753.171	318.497.578	2.239.304.653	59.996.352	3.239.308.332	6.631.860.086
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	19.698.103.933	48.941.405.572	29.222.937.882	315.468.951	86.250.547.587	184.428.463.925
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	3.211.963.950	350.407.679	2.698.894.528	246.765.101	5.863.770.698	12.371.801.956
Tại 31/12/2020	3.870.496.191	31.910.101	3.762.724.675	186.768.749	2.624.462.366	10.476.362.082

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là:
 Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là:

155.537.431.568
 145.418.380.124

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.07. Chi phí trả trước	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.756.001.053	2.519.544.550
- Chi phí sửa chữa, bảo trì thiết bị, chi phí phân bổ khác	1.344.253.932	2.453.108.111
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	411.747.121	66.436.439
b) Dài hạn	1.490.682.410	1.697.605.394
- Chi phí sửa chữa, bảo trì thiết bị, chi phí phân bổ khác	886.407.656	1.097.990.796
- Công cụ, dụng cụ	604.274.754	599.614.598
Cộng	3.246.683.463	4.217.149.944

5.08. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	Ngắn hạn	775.519.400	775.519.400	434.525.654
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại & Dịch vụ	-	-	112.799.774	112.799.774
- Công ty TNHH Kinh doanh Dịch Vụ Thương mại Chiến Thắng	-	-	47.080.000	47.080.000
- Cửa hàng Phụ tùng ô tô Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	686.255.000	686.255.000	223.432.000	223.432.000
- Các đối tượng khác	89.264.400	89.264.400	-	-
Cộng	775.519.400	775.519.400	434.525.654	434.525.654

5.09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
	a) Phải nộp			
- Thuế giá trị gia tăng	522.384.673	5.720.419.030	5.723.175.807	519.627.896
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.141.430	231.852.103	389.993.533	-
- Thuế thu nhập cá nhân	726.741	48.508.230	43.004.169	6.230.802
- Tiền thuê đất	-	142.506.182	142.506.182	-
- Các loại thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	681.252.844	6.146.285.545	6.301.679.691	525.858.698
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	90.006.467	90.006.467
Cộng	-	-	90.006.467	90.006.467

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.10. Chi phí phải trả	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	246.029.286	286.972.472
- Chi phí thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường	207.309.336	273.442.126
- Chi phí phải trả khác	38.719.950	13.530.346
Cộng	246.029.286	286.972.472

5.11. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	1.557.448.808	1.091.633.793
- Kinh phí công đoàn	131.661.998	298.625.368
- Phải trả về ngân sách Nhà nước	644.350.000	-
- Phải trả khác cho CBCNV	767.275.850	763.369.850
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.160.960	29.638.575
Cộng	1.557.448.808	1.091.633.793

5.12. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2019	21.944.750.000		799.940.479	22.744.690.479
- Lãi trong năm trước	-	-	1.107.427.068	1.107.427.068
- Tăng khác năm trước	-	18.941.880	-	18.941.880
- Chia cổ tức năm trước	-	-	(548.618.750)	(548.618.750)
- Trích Quỹ KT, PL	-	-	(61.245.413)	(61.245.413)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(18.941.880)	(18.941.880)
Số dư tại 01/01/2020	21.944.750.000	18.941.880	1.278.561.504	23.242.253.384
- Lãi trong năm nay	-	-	1.416.632.616	1.416.632.616
- Tăng khác năm nay	-	33.222.812	-	33.222.812
- Chia cổ tức năm nay	-	-	(658.342.500)	(658.342.500)
- Trích Quỹ KT, PL	-	-	(110.742.707)	(110.742.707)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(33.222.812)	(33.222.812)
Số dư tại 31/12/2020	21.944.750.000	52.164.692	1.892.886.101	23.889.800.793

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
1. UBND tỉnh Nam Định (i)	14.493.180.000	14.493.180.000
2. Các cổ đông khác	7.451.570.000	7.451.570.000
Cộng	21.944.750.000	21.944.750.000

(i) Thông tin thoái vốn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (cổ đông lớn của công ty) đã thực hiện chào bán thành công 40.000 (cổ phiếu) trong tổng số 330.050 (cổ phiếu) đăng ký chào bán. Giao dịch chào bán cổ phiếu được thực hiện từ ngày 10/12/2020 đến ngày 07/01/2021. Sau giao dịch, Số lượng cổ phiếu của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định nắm giữ là: 1.409.318 (cổ phiếu), chiếm tỷ lệ 64,22% trên (/) tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
c) Các giao dịch về vốn		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	21.944.750.000	21.944.750.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	21.944.750.000	21.944.750.000

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.194.475	2.194.475
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.194.475	2.194.475
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	2.194.475	2.194.475
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

5.14. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
Số dư tại ngày 01/01/2020	6.444.527.037
- Hao mòn của các TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp	(3.684.674.639)
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.759.852.398

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.01. Doanh thu	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
	77.310.576.702	71.123.747.681
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.310.576.702	71.123.747.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	77.310.576.702	71.123.747.681
6.02. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.870.808.459	58.556.926.056
Cộng	61.870.808.459	58.556.926.056
6.03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.068.677.528	841.704.481
Cộng	1.068.677.528	841.704.481
6.04. Chi phí bán hàng	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nhân viên thu phí	1.707.510.872	1.649.676.462
Cộng	1.707.510.872	1.649.676.462
6.05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	6.642.939.401	6.286.361.698
- Chi phí vật liệu quản lý	283.097.901	281.616.438
- Chi phí đồ dùng văn phòng	161.743.255	146.018.037
- Chi phí khấu hao TSCĐ	249.456.526	281.955.162
- Thuế, phí, lệ phí	145.506.182	106.277.441
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	936.189.641	572.611.355
- Chi phí bằng tiền khác	4.742.794.013	2.690.226.781
Cộng	13.161.726.919	10.365.066.912

27/12/2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.648.484.719	1.388.092.160
Các khoản điều chỉnh	7.601.731	15.233.298
- Chi phí không được trừ	7.601.731	15.233.298
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.656.086.450	1.403.325.458
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	331.217.290	280.665.092
<i>Thuế TNDN giảm (30%) theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ</i>	(99.365.187)	-
Tổng số thuế TNDN phải nộp	231.852.103	280.665.092
6.07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.416.632.616	1.107.427.068
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	283.326.523	110.742.707
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	283.326.523	110.742.707
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.133.306.093	996.684.361
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	2.194.475	2.194.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	516	454
6.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	10.489.273.059	11.171.941.814
- Chi phí nhân công	42.322.278.996	39.388.487.269
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.968.039.689	3.768.110.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.130.121.194	13.191.302.568
- Chi phí bằng tiền khác	2.377.485.753	2.496.601.628
Cộng	74.287.198.691	70.016.444.071

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN****7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.01 Giao dịch đối với bên liên quan****Thông tin****Đối tượng****Quan hệ**

- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Các thành viên giữ chức vụ quan trọng và tham gia điều hành công ty

Thu nhập của Ban lãnh đạo công ty	Chức danh	Năm 2020 VND
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		
- Triệu Đức Kiểm	Chủ tịch HĐQT	1.060.640.952 388.729.788
- Trương Công Định	Giám đốc - Thành viên HĐQT	362.189.208
- Nguyễn Thị Hiền	Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT	291.721.956
- Vũ Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	18.000.000
Ban kiểm soát		
- Trần Trọng Thành	Trưởng ban kiểm soát	348.028.140 333.628.140
- Vũ Thu Hương	Thành viên ban kiểm soát	7.200.000
- Vũ Thị Phương Thúy	Thành viên ban kiểm soát	7.200.000
Cộng		1.408.669.092

7.02 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trần Thị Gám

Nguyễn Thị Hiền

Triệu Đức Kiểm